

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2020
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Chuộng

2. Bà Đinh Thị Tín

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2020, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01 ngày 14/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị H, sinh năm 1999; nơi ĐKKHKT: KDC Trại Xanh, phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Đội 6, thôn 3, xã Hoành Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị H có mặt.**

2. Bị đơn: **Anh Lê Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: KDC Trại Xanh, phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh H có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/7/2020, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn - chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Duy Tân, thị xã Kinh

Môn, tỉnh Hải Dương ngày 23/5/2018. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhà bố mẹ chồng tại Khu dân cư Trại Xanh, phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là quan niệm sống trái chiều, bất đồng quan điểm trong công việc, dẫn đến thường xuyên cãi vã, xô xát. Đến ngày 03/2/2020 chị H bế con về nhà bố mẹ đẻ ở **thôn 3, xã Hoàng Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương** sinh sống, ly thân với anh H. Thời gian đầu ly thân, giữa chị và anh H chỉ liên liên lạc hỏi thăm con cái chứ không về tình cảm vợ chồng. Đến khoảng tháng 4/2020 thì anh H đón con về chơi và từ đó không cho chị thăm con, đón con về chăm sóc. Đến nay chị và anh H không còn liên lạc gì, không quan tâm gì đến nhau, không xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng không thể đoàn tụ, nên chị đề nghị toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Chị và anh H có 01 con chung là Lê Minh Thiện, sinh ngày 07/4/2019, hiện đang ở cùng anh H. Sau ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 750.000đ đến khi con chung trưởng thành. Chị H làm công nhân sản xuất giày da của Công ty TNHH Vietory trên địa bàn phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, mức lương khoảng 5 đến 6 triệu đồng/tháng.

- *Về tài sản, nợ chung*: Chị Hường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ, anh Lê Văn H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn, nơi sinh sống sau khi kết hôn như nội dung chị H trình bày trên. Theo anh, mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm, đặc biệt là đối với công việc của anh, chị H bắt chồng phải làm theo ý mình, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và ngày càng xa cách về mặt tình cảm. Ngày 03/02/2020, sau khi xô xát, chị H đã bế con về nhà bố mẹ đẻ chị H sinh sống, từ đó giữa anh và chị H chỉ liên lạc với nhau để hỏi thăm con cái chứ không quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên qua phiên hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay anh vẫn thống nhất ly hôn với chị H.

- *Về con chung*: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Thiện như chị H trình bày là đúng, hiện cháu Thiện đang ở cùng anh, do anh chăm sóc ngay cả lúc ốm đau. Anh không nhất trí để chị H trực tiếp nuôi con vì có lần chị H nói với anh là chị H sẽ trực tiếp nuôi con và chỉ cho anh đến thăm con chứ không cho đón con về, còn nếu anh nuôi con thì chị H sẽ không đến thăm con.

Do đó, sau khi ly hôn, anh xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản, nợ chung:* Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mẹ đẻ chị H – bà Ngô Thị Hoài trình bày: Về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn và nơi sinh sống sau khi kết hôn như nội dung chị H trình bày trên. Cuối năm 2019, bà nghe chị H kể là vợ chồng mâu thuẫn, hay cãi vã và bị chồng đánh. Gia đình bà có khuyên giải để vợ chồng chị H, anh Hoàn hoà thuận nuôi dạy con cái. Tuy nhiên thời gian không được lâu thì chị Hường, anh H lại xảy ra mâu thuẫn. Hai gia đình thông gia cũng đã gặp nhau nói chuyện, tuy nhiên cả hai gia đình cũng không có tiếng nói chung. Nay chị H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn thì bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu chị H được trực tiếp nuôi con, bà và gia đình sẽ hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất cho mẹ con chị H về kinh tế, chỗ ở, nơi sinh hoạt cũng như chăm sóc cháu Thiện.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, xin trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng, từ tháng 9/2020 đến khi con chung trưởng thành.

- Bị đơn – anh H, thống nhất ly hôn với chị H, không nhất trí để chị H trực tiếp nuôi con vì lo ngại khi chị H đi làm không ai chăm con. Anh xin trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nếu anh được trực tiếp nuôi con chung thì bố mẹ anh sẽ hỗ trợ trông nom. Anh không có ý kiến gì về việc chị H yêu cầu cấp dưỡng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án xử Công nhận sự thuận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lê Văn H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị H, đề nghị giao cháu Lê Minh Thiện, sinh ngày 07/4/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị H, mỗi tháng 750.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2020 đến khi con chung trưởng thành theo quy định tại Điều 58; khoản 1, 3 Điều 81; Điều

82; khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bị đơn phải chịu án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tổ tụng:* Các đương sự đều có nơi cư trú tại thị xã Kinh Môn, nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị H và anh Lê Văn H được tự do tìm hiểu, đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định đời sống vợ chồng chị H, anh H từ cuối năm 2019 thường xuyên mâu thuẫn, thể hiện ở việc bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ thông cảm cho nhau dẫn đến xô xát và từ tháng 2/2020 mỗi người sống một nơi, không quan tâm yêu thương nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, không tôn trọng, quan tâm giúp đỡ nhau. Như vậy là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Thông qua hoà giải cũng như tại phiên tòa, chị H và anh H vẫn thống nhất ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử công nhận sự thuận thành ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Cháu Lê Minh Thiện, sinh ngày 07/4/2019, được chị H đưa về nhà mẹ đẻ chị sinh sống từ đầu tháng 2/2020, khoảng tháng 4/2020 Hoàn đến đón về sống cùng anh cho đến nay. Nguyên vọng của anh H, chị H được trực tiếp nuôi con chung sau khi vợ chồng ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Nguyên nhân tranh chấp nuôi con là vì anh lo ngại nếu chị H trực tiếp nuôi con, chị H đi làm sẽ không có ai chăm sóc con, mặt khác anh sẽ không được đón con. Xét thấy, việc thăm nom con sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con được pháp luật quy định cụ thể; cháu Thiện dưới 36

tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ, chị H là người bình thường, có công việc và thu nhập ổn định, gia đình chị H tạo điều kiện về nơi ăn, chốn ở cũng như hỗ trợ chăm sóc cháu Thiện giúp chị H. Nhận thấy chị H đủ điều kiện nuôi con, nên sau khi ly hôn, cần giao cháu Thiện cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị H chỉ yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị, mỗi tháng là 750.000đ, đến khi con chung trưởng thành là phù hợp và cần chấp nhận yêu cầu của chị H về nuôi con chung theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh H, chị H đều không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị Hường phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh H có nghĩa vụ chịu án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị H, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lê Văn H.

1.2. Về con chung: Giao con chung Lê Minh Thiện, sinh ngày 07/4/2019 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị H, mỗi tháng 750.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2020 đến khi cháu Thiện trưởng thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2017/0008175 ngày 01/7/2020, chị H đã nộp đủ án phí. Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND P. Duy Tân, thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Đào Văn Phúc

